



**1163 Series** Tải nặng

## BÁNH XE HAI CỔ XOAY

曲軸平衡腳輪系列

- Bánh xe hai cổ xoay là loại bánh xe có tính năng cao, giúp tiết kiệm lực tác động khi đẩy cũng như kéo xe, và giảm thiểu trường hợp bánh xe bị khóa chặt khi xoay. Kết cấu xoay của bánh xe hai cổ xoay gồm hai điểm định vị, giúp giảm lực tác động vào xe đẩy khi chuyển động. Việc làm giảm hiệu quả trường hợp bánh xe bị khóa chặt và giảm lực tác động, bánh xe thích hợp dùng cho AMR/AGV hoặc các ngành khác có yêu cầu chịu tải nặng và xe đẩy êm, nhẹ.
- 得胜曲軸平衡腳輪是一款高性能腳輪，能夠減少推車或拉車時所需的推力，並大幅降低轉向腳輪鎖死發生的機會。得胜曲軸平衡腳輪架轉向結構提供了二處定位點，更有效的減低台車在移動時的啟動力。所以在有效降低被鎖死的問題和減低啟動力下，得胜曲軸平衡腳輪更適用於 AMR/AGV 行業或是其它需要高荷重但也需求輕鬆推動的手推車與設備上面。

Tải trọng 載重  
200 - 1100 kg



### ► Đặc điểm 特色區



Nắp chống bụi bằng kim loại  
cho bánh xe (tùy chọn)  
輪子可附金屬防塵蓋(供選擇)



Nắp chống bụi bằng nhựa  
cho bánh xe (tùy chọn)  
輪子可附塑膠防塵蓋(供選擇)



Khóa BCD (khóa giữ)  
BCD 煞(中煞)



Các loại bánh xe PU có độ  
cứng khác nhau  
PU 輪面可以變化硬度

### ► Vật liệu bánh xe 輪子選項

Bánh PU lõi gang  
鐵芯聚氨酯



Bánh PU lõi nhôm  
APU 輪



Bánh cao su NBR lõi gang  
鐵芯 NBR 橡膠輪



Bánh Nylon  
尼龍輪



Bánh WMRC  
WMRC 輪



Bánh QPU  
QPU 輪



Bánh ZQPU (bánh đôi)  
ZQPU 輪(雙輪)



Bánh EPU  
EPU 輪



Bánh VQPU  
VQPU 輪



Bánh cao su  
không lõi gang  
環保 NBR 橡膠輪



Bánh PU lõi gang  
(2050A/2050B)  
鐵芯聚氨酯(2050A/2050B)



Bánh EQPU  
EQPU 輪



Bánh VPU  
VPU 輪



Bánh VXP  
鐵芯 VXP



Bánh cao su đàn hồi  
lõi nhôm  
鋁芯 QQ 橡膠輪



Bánh cao su NBR  
không lõi gang  
環保牽引 NBR



Bánh QPU lõi nhôm  
鋁芯 AQPU



Ô bi  
滾珠軸承

**» Quy cách tấm lắp 底板規格**

| Kích cỡ bánh xe<br>腳輪尺寸 | Kích thước tấm lắp<br>底板尺寸        | Khoảng cách các lỗ lắp<br>底板孔距                                    | Kích thước bu lông<br>安裝尼帽尺寸 |
|-------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 4"                      | 90 x 120 mm (3-17/32" x 4-23/32") | 60 x 90 mm (2-3/8" x 3-17/32")                                    | 11 mm (7/16")                |
| 5,6,8"                  | 110 x 140 mm (4-11/32" x 5-1/2")  | 75 x 110 mm (2-15/16" x 4-11/32")<br>(Tấm lắp tiêu chuẩn)(常規標準底板) | 12 mm (1/2")                 |

| <br>Đường kính<br>Bề rộng bánh xe<br>輪徑 x 輪寬 | <br>Tải trọng<br>載重 | <br>Vật liệu bánh xe<br>材質                         | <br>Mã sản phẩm 型號 |                 |                     | <br>Ổ lăn bánh xe<br>軸承 | <br>Tổng chiều cao<br>總高 | <br>Bán kính xoay<br>迴旋半徑                                          |
|----------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------|--------------------|-----------------|---------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------|
|                                              |                     |                                                    | Càng cố định<br>固定 | Càng xoay<br>活動 | Có Phanh/Khóa<br>剎車 |                         |                          |                                                                    |
| 100mm x 32mm<br>(4"x1-1/4")                  | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh Nylon<br>尼龍輪                                  | 1163-04-07-1       | 1163-04-07-2    | 1163-04-07-4        | Ổ bi<br>滾珠軸承            | 147mm<br>(5-25/32")      | Xoay 116mm<br>Khóa BCD 116mm<br><br>活動 116mm<br>BCD熱 116mm         |
| 100mm x 34mm<br>(4"x1-3/8")                  | 335 kgs (735 lbs)   | Bánh QPU (cong)<br>QPU輪(圓弧)                        | 1163-04-80-1       | 1163-04-80-2    | 1163-04-80-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 385 kgs (845 lbs)   | Bánh QPU (phẳng)<br>QPU輪(平面)                       | 1163-04-80-1       | 1163-04-80-2    | 1163-04-80-4        |                         |                          |                                                                    |
| 100mm x 36mm<br>(4"x1-7/16")                 | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                          | 1163-04-33-1       | 1163-04-33-2    | 1163-04-33-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh PU lõi nhôm (cong)<br>APU輪(圓弧)                | 1163-04-108-1      | 1163-04-108-2   | 1163-04-108-4       |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 300 kgs (660 lbs)   | Bánh QPU lõi nhôm (cong)<br>鋁芯AQPU輪(圓弧)            | 1163-04-87-1       | 1163-04-87-2    | 1163-04-87-4        |                         |                          |                                                                    |
| 100mm x 38mm<br>(4"x1-1/2")                  | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪               | 1163-04-04-1       | 1163-04-04-2    | 1163-04-04-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh cao su không lẫn vết lõi gang<br>環保NBR橡膠輪     | 1163-04-11-1       | 1163-04-11-2    | 1163-04-11-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh cao su NBR không lẫn vết lõi gang<br>環保牽引NBR輪 | 1163-04-90-1       | 1163-04-90-2    | 1163-04-90-4        |                         |                          |                                                                    |
| 100mm x 40mm<br>(4"x1-9/16")                 | 275 kgs (600 lbs)   | Bánh PU lõi nhôm (cong)<br>APU輪(圓弧)                | 1163-04-108-1      | 1163-04-108-2   | 1163-04-108-4       |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 200 kgs (440 lbs)   | Bánh cao su đàn hồi lõi nhôm<br>鋁芯QQ橡膠輪            | 1163-04-89-1       | 1163-04-89-2    | 1163-04-89-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 325 kgs (715 lbs)   | Bánh QPU lõi nhôm (cong)<br>鋁芯AQPU輪(圓弧)            | 1163-04-87-1       | 1163-04-87-2    | 1163-04-87-4        |                         |                          |                                                                    |
| 100mm x 46.5mm<br>(4"x1-13/16")              | 335 kgs (735 lbs)   | Bánh ZQPU (bánh đôi)<br>ZQPU輪(雙輪)                  | 1163-04-101-1      | 1163-04-101-2   | 1163-04-101-4       | Ổ bi<br>滾珠軸承            | 170mm<br>(6-11/16")      | Xoay 128.5mm<br>Khóa BCD 128.5mm<br><br>活動 128.5mm<br>BCD熱 128.5mm |
| 125mm x 40mm<br>(5"x1-9/16")                 | 340 kgs (750 lbs)   | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                          | 1163-05-33-1       | 1163-05-33-2    | 1163-05-33-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 300 kgs (660 lbs)   | Bánh Nylon<br>尼龍輪                                  | 1163-05-07-1       | 1163-05-07-2    | 1163-05-07-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 300 kgs (660 lbs)   | Bánh PU lõi nhôm (cong)<br>APU輪(圓弧)                | 1163-05-108-1      | 1163-05-108-2   | 1163-05-108-4       |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 350 kgs (770 lbs)   | Bánh QPU lõi nhôm (cong)<br>鋁芯AQPU輪(圓弧)            | 1163-05-87-1       | 1163-05-87-2    | 1163-05-87-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪               | 1163-05-04-1       | 1163-05-04-2    | 1163-05-04-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh cao su không lẫn vết lõi gang<br>環保NBR橡膠輪     | 1163-05-11-1       | 1163-05-11-2    | 1163-05-11-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 250 kgs (550 lbs)   | Bánh cao su NBR không lẫn vết lõi gang<br>環保牽引NBR輪 | 1163-05-90-1       | 1163-05-90-2    | 1163-05-90-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 450 kgs (990 lbs)   | Bánh QPU (cong)<br>QPU輪(圓弧)                        | 1163-05-80-1       | 1163-05-80-2    | 1163-05-80-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 500 kgs (1100 lbs)  | Bánh QPU (phẳng)<br>QPU輪(平面)                       | 1163-05-80-1       | 1163-05-80-2    | 1163-05-80-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 340 kgs (750 lbs)   | Bánh EPU (cong)<br>EPU輪(圓弧)                        | 1163-05-78-1       | 1163-05-78-2    | 1163-05-78-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 390 kgs (860 lbs)   | Bánh EPU (phẳng)<br>EPU輪(平面)                       | 1163-05-78-1       | 1163-05-78-2    | 1163-05-78-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 450 kgs (990 lbs)   | Bánh EQPU (cong)<br>EQPU輪(圓弧)                      | 1163-05-81-1       | 1163-05-81-2    | 1163-05-81-4        |                         |                          |                                                                    |
|                                              | 500 kgs (1100 lbs)  | Bánh EQPU (phẳng)<br>EQPU輪(平面)                     | 1163-05-81-1       | 1163-05-81-2    | 1163-05-81-4        |                         |                          |                                                                    |



|  Đường kính<br>Bề rộng bánh xe<br>輪徑 x 輪寬 |  Tải trọng<br>載重 |  Vật liệu bánh xe<br>材質 |  Mã sản phẩm 型號 |                   |                     |  Ổ lăn bánh xe<br>軸承 |  Tổng chiều cao<br>總高 |  Bán kính xoay<br>迴旋半徑 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                            |                                                                                                   |                                                                                                          | Càng cố định<br>固定                                                                               | Càng xoay<br>活動   | Cố Phanh/Khóa<br>制車 |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 125mm x 50mm<br>(5" x 2")                                                                                                  | 400 kgs (880 lbs)                                                                                 | Bánh PU lõi nhôm (phẳng)<br>APU輪 (平面)                                                                    | 1163-05-108-1                                                                                    | 1163-05-108-2     | 1163-05-108-4       | Ổ bi<br>滾珠軸承                                                                                            | 170mm<br>(6-11/16")                                                                                      | Xoay 128.5mm<br>Khóa BCD 128.5mm<br><br>活動 128.5mm<br>BCD煞 128.5mm                                        |
|                                                                                                                            | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh QPU lõi nhôm (phẳng)<br>鋁芯AQPU輪 (平面)                                                                | 1163-05-87-1                                                                                     | 1163-05-87-2      | 1163-05-87-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 125mm x 51mm<br>(5" x 2")                                                                                                  | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh ZQPU (bánh đôi)<br>ZQPU輪 (雙輪)                                                                       | 1163-05-101-1                                                                                    | 1163-05-101-2     | 1163-05-101-4       |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 150mm x 40mm<br>(6"x1-9/16")                                                                                               | 400 kgs (880 lbs)                                                                                 | Bánh Nylon<br>尼龍輪                                                                                        | 1163-06-07-1                                                                                     | 1163-06-07-2      | 1163-06-07-4        | Ổ bi<br>滾珠軸承                                                                                            | 197mm<br>(7-3/4")                                                                                        | Xoay 153.5mm<br>Khóa BCD 153.5mm<br><br>活動 153.5mm<br>BCD煞 153.5mm                                        |
|                                                                                                                            | 350 kgs (770 lbs)                                                                                 | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪                                                                     | 1163-06-04-1                                                                                     | 1163-06-04-2      | 1163-06-04-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 300 kgs (660 lbs)                                                                                 | Bánh cao su không lăn vết lõi gang<br>環保NBR橡膠輪                                                           | 1163-06-11-1                                                                                     | 1163-06-11-2      | 1163-06-11-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 300 kgs (660 lbs)                                                                                 | Bánh cao su NBR không lăn vết lõi gang<br>環保牽引NBR輪                                                       | 1163-06-90-1                                                                                     | 1163-06-90-2      | 1163-06-90-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 400 kgs (880 lbs)                                                                                 | Bánh WMRC<br>WMRC輪                                                                                       | 1163-06-45-1                                                                                     | 1163-06-45-2      | 1163-06-45-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 150mm x 42mm<br>(6"x1-5/8")                                                                                                | 410 kgs (900 lbs)                                                                                 | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                                                                                | 1163-06-33-1                                                                                     | 1163-06-33-2      | 1163-06-33-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 400 kgs (880 lbs)                                                                                 | Bánh PU lõi nhôm (cong)<br>APU輪 (圓弧)                                                                     | 1163-06-108-1                                                                                    | 1163-06-108-2     | 1163-06-108-4       |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh QPU lõi nhôm (cong)<br>鋁芯AQPU輪 (圓弧)                                                                 | 1163-06-87-1                                                                                     | 1163-06-87-2      | 1163-06-87-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 550 kgs (1200 lbs)                                                                                | Bánh QPU (cong)<br>QPU輪 (圓弧)                                                                             | 1163-06-80-1                                                                                     | 1163-06-80-2      | 1163-06-80-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 600 kgs (1320 lbs)                                                                                | Bánh QPU (phẳng)<br>QPU輪 (平面)                                                                            | 1163-06-80-1                                                                                     | 1163-06-80-2      | 1163-06-80-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 500 kgs (1100 lbs)                                                                                | Bánh VPU (cong)<br>VPU輪 (圓弧)                                                                             | 1163-06-82-1                                                                                     | 1163-06-82-2      | 1163-06-82-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 670 kgs (1475 lbs)                                                                                | Bánh VQPU (cong)<br>VQPU輪 (圓弧)                                                                           | 1163-06-83-1                                                                                     | 1163-06-83-2      | 1163-06-83-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 800 kgs (1760 lbs)                                                                                | Bánh VXPU lõi gang (cong)<br>鐵芯VXPU輪 (圓弧)                                                                | 1163-06-91-1                                                                                     | 1163-06-91-2      | 1163-06-91-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 410 kgs (900 lbs)                                                                                 | Bánh EPU (cong)<br>EPU輪 (圓弧)                                                                             | 1163-06-78-1                                                                                     | 1163-06-78-2      | 1163-06-78-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 460 kgs (1010 lbs)                                                                                | Bánh EPU (phẳng)<br>EPU輪 (平面)                                                                            | 1163-06-78-1                                                                                     | 1163-06-78-2      | 1163-06-78-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 550 kgs (1200 lbs)                                                                                | Bánh EQPU (cong)<br>EQPU輪 (圓弧)                                                                           | 1163-06-81-1                                                                                     | 1163-06-81-2      | 1163-06-81-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 600 kgs (1320 lbs)                                                                                | Bánh EQPU (phẳng)<br>EQPU輪 (平面)                                                                          | 1163-06-81-1                                                                                     | 1163-06-81-2      | 1163-06-81-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 150mm x 50mm<br>(6" x 2")                                                                                                  | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh PU lõi nhôm (phẳng)<br>APU輪 (平面)                                                                    | 1163-06(50)-108-1                                                                                | 1163-06(50)-108-2 | 1163-06(50)-108-4   |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 500 kgs (1100 lbs)                                                                                | Bánh QPU lõi nhôm (phẳng)<br>鋁芯AQPU輪 (平面)                                                                | 1163-06(50)-87-1                                                                                 | 1163-06(50)-87-2  | 1163-06(50)-87-4    |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 150mm x 51mm<br>(6" x 2")                                                                                                  | 550 kgs (1210 lbs)                                                                                | Bánh ZQPU (bánh đôi)<br>ZQPU輪 (雙輪)                                                                       | 1163-06-101-1                                                                                    | 1163-06-101-2     | 1163-06-101-4       |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 180mm x 44mm<br>(7" x 1-3/4")                                                                                              | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh PU lõi nhôm (cong)<br>APU輪 (圓弧)                                                                     | 1163-07-108-1                                                                                    | 1163-07-108-2     | 1163-07-108-4       | Ổ bi<br>滾珠軸承                                                                                            | 238mm<br>(9-3/8")                                                                                        | Xoay 181.5mm<br>Khóa BCD 181.5mm<br>活動 181.5mm<br>BCD煞 181.5mm                                            |
|                                                                                                                            | 600 kgs (1320 lbs)                                                                                | Bánh QPU lõi nhôm (cong)<br>鋁芯AQPU輪 (圓弧)                                                                 | 1163-07-87-1                                                                                     | 1163-07-87-2      | 1163-07-87-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |



| <br>Đường kính<br>Bề rộng bánh xe<br>輪徑 x 輪寬 | <br>Tải trọng<br>載重 | <br>Vật liệu bánh xe<br>材質 |  Mã sản phẩm 型號 |                 |                     | <br>Ổ lăn bánh xe<br>軸承 | <br>Tổng chiều cao<br>總高 | <br>Bán kính xoay<br>迴旋半徑 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                               |                                                                                                      |                                                                                                             | Càng cố định<br>固定                                                                               | Càng xoay<br>活動 | Có Phanh/Khóa<br>剎車 |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
| 180mm x 50mm<br>(7" x 2")                                                                                                     | 450 kgs (990 lbs)                                                                                    | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                                                                                   | 1163-07-33-1                                                                                     | 1163-07-33-2    | 1163-07-33-4        | Ổ bi<br>滾珠軸承                                                                                               | 238mm<br>(9-3/8")                                                                                           | Xoay 181.5mm<br>Khóa BCD 181.5mm<br><br>活動 181.5mm<br>BCD煞 181.5mm                                           |
|                                                                                                                               | 600 kgs (1320 lbs)                                                                                   | Bánh QPU (cong)<br>QPU輪(圓弧)                                                                                 | 1163-07-80-1                                                                                     | 1163-07-80-2    | 1163-07-80-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 650 kgs (1430 lbs)                                                                                   | Bánh VPU (cong)<br>VPU輪(圓弧)                                                                                 | 1163-07-82-1                                                                                     | 1163-07-82-2    | 1163-07-82-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 650 kgs (1430 lbs)                                                                                   | Bánh VXPU lõi gang (cong)<br>鐵芯VXPU輪(圓弧)                                                                    | 1163-07-91-1                                                                                     | 1163-07-91-2    | 1163-07-91-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 650 kgs (1430 lbs)                                                                                   | Bánh VQPU (cong)<br>VQPU輪(圓弧)                                                                               | 1163-07-83-1                                                                                     | 1163-07-83-2    | 1163-07-83-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
| 200mm x 44mm<br>(8"x1-3/4")                                                                                                   | 350 kgs (770 lbs)                                                                                    | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪                                                                        | 1163-08-04-1                                                                                     | 1163-08-04-2    | 1163-08-04-4        | Ổ bi<br>滾珠軸承                                                                                               | 248mm<br>(9-3/4")                                                                                           | Xoay 191.5mm<br>Khóa BCD 191.5mm<br><br>活動 191.5mm<br>BCD煞 191.5mm                                           |
|                                                                                                                               | 350 kgs (770 lbs)                                                                                    | Bánh cao su không lằn vết lõi gang<br>環保NBR橡膠輪                                                              | 1163-08-11-1                                                                                     | 1163-08-11-2    | 1163-08-11-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 350 kgs (770 lbs)                                                                                    | Bánh cao su NBR không lằn vết lõi gang<br>環保牽引NBR輪                                                          | 1163-08-90-1                                                                                     | 1163-08-90-2    | 1163-08-90-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 400 kgs (880 lbs)                                                                                    | Bánh cao su đàn hồi lõi nhôm<br>鋁芯QQ橡膠輪                                                                     | 1163-08-89-1                                                                                     | 1163-08-89-2    | 1163-08-89-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
| 200mm x 50mm<br>(8" x 2")                                                                                                     | 450 kgs (990 lbs)                                                                                    | Bánh PU lõi gang<br>鐵芯聚氨酯                                                                                   | 1163-08-33-1                                                                                     | 1163-08-33-2    | 1163-08-33-4        | Ổ bi<br>滾珠軸承                                                                                               | 248mm<br>(9-3/4")                                                                                           | Xoay 191.5mm<br>Khóa BCD 191.5mm<br><br>活動 191.5mm<br>BCD煞 191.5mm                                           |
|                                                                                                                               | 450 kgs (990 lbs)                                                                                    | Bánh Nylon<br>尼龍輪                                                                                           | 1163-08-07-1                                                                                     | 1163-08-07-2    | 1163-08-07-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 750 kgs (1650 lbs)                                                                                   | Bánh PU lõi gang (2050A/2050B)<br>鐵芯聚氨酯(2050A/2050B)                                                        | 1163-08-62-1                                                                                     | 1163-08-62-2    | 1163-08-62-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 450 kgs (990 lbs)                                                                                    | Bánh WMRC<br>WMRC輪                                                                                          | 1163-08-45-1                                                                                     | 1163-08-45-2    | 1163-08-45-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 500 kgs (1100 lbs)                                                                                   | Bánh PU lõi nhôm (cong)<br>APU輪(圓弧)                                                                         | 1163-08-108-1                                                                                    | 1163-08-108-2   | 1163-08-108-4       |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 550 kgs (1200 lbs)                                                                                   | Bánh PU lõi nhôm (phẳng)<br>APU輪(平面)                                                                        | 1163-08-108-1                                                                                    | 1163-08-108-2   | 1163-08-108-4       |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 650 kgs (1430 lbs)                                                                                   | Bánh QPU lõi nhôm (cong)<br>鋁芯AQPU輪(圓弧)                                                                     | 1163-08-87-1                                                                                     | 1163-08-87-2    | 1163-08-87-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 700 kgs (1540 lbs)                                                                                   | Bánh QPU lõi nhôm (phẳng)<br>鋁芯AQPU輪(平面)                                                                    | 1163-08-87-1                                                                                     | 1163-08-87-2    | 1163-08-87-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 670 kgs (1475 lbs)                                                                                   | Bánh QPU (cong)<br>QPU輪(圓弧)                                                                                 | 1163-08-80-1                                                                                     | 1163-08-80-2    | 1163-08-80-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 720 kgs (1580 lbs)                                                                                   | Bánh QPU (phẳng)<br>QPU輪(平面)                                                                                | 1163-08-80-1                                                                                     | 1163-08-80-2    | 1163-08-80-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 670 kgs (1475 lbs)                                                                                   | Bánh VPU (cong)<br>VPU輪(圓弧)                                                                                 | 1163-08-82-1                                                                                     | 1163-08-82-2    | 1163-08-82-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 800 kgs (1760 lbs)                                                                                   | Bánh VQPU (cong)<br>VQPU輪(圓弧)                                                                               | 1163-08-83-1                                                                                     | 1163-08-83-2    | 1163-08-83-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 1100 kgs (2420 lbs)                                                                                  | Bánh VXPU lõi gang (cong)<br>鐵芯VXPU輪(圓弧)                                                                    | 1163-08-91-1                                                                                     | 1163-08-91-2    | 1163-08-91-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 650 kgs (1430 lbs)                                                                                   | Bánh EPU (cong)<br>EPU輪(圓弧)                                                                                 | 1163-08-78-1                                                                                     | 1163-08-78-2    | 1163-08-78-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 700 kgs (1540 lbs)                                                                                   | Bánh EPU (phẳng)<br>EPU輪(平面)                                                                                | 1163-08-78-1                                                                                     | 1163-08-78-2    | 1163-08-78-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 750 kgs (1650 lbs)                                                                                   | Bánh EQPU (cong)<br>EQPU輪(圓弧)                                                                               | 1163-08-81-1                                                                                     | 1163-08-81-2    | 1163-08-81-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
|                                                                                                                               | 800 kgs (1760 lbs)                                                                                   | Bánh EQPU (phẳng)<br>EQPU輪(平面)                                                                              | 1163-08-81-1                                                                                     | 1163-08-81-2    | 1163-08-81-4        |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |
| 200mm x 51mm<br>(8" x 2")                                                                                                     | 650 kgs (1430 lbs)                                                                                   | Bánh ZQPU (bánh đôi)<br>ZQPU輪(雙輪)                                                                           | 1163-08-101-1                                                                                    | 1163-08-101-2   | 1163-08-101-4       |                                                                                                            |                                                                                                             |                                                                                                              |